

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2020/DSST

Ngày 08/5/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thanh T

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 284/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Huỳnh Sơn, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào tháng 01/2018al tôi có khai các dây hụi sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, sổ hụi vào ngày 25 âm lịch hàng tháng gồm 22

chân hội. Bà Đ tham gia 02 chân, bà Đ đã hốt vào tháng thứ 2 và tháng thứ 4. Sau khi hốt bà Đ đóng được 03 tháng hội chết thì ngưng. Đến nay bà Đ còn nợ dây hội này là 16 tháng x 10.000.000đ/02 chân = 160.000.000 đồng.

- Dây hội 10.000.000đ/tháng, gồm 25 người chơi, trong đó bà Đ tham gia 01 chân. Dây hội này bà Đ hốt vào tháng thứ 2, sau đó đóng hội chết được 16 tháng. Bà Đ thiếu 7 tháng bằng 70.000.000 đồng. Sau này bà Đ trả được 20.000.000 đồng còn nợ dây hội này là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Đ nợ tôi số tiền 210.000.000 đồng. Các lần giao nhận tiền có bà Đ và ông H (chồng bà Đ) ký tên.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia nhiều chân hội do bà T làm chủ gồm: 02 chân hội tháng, mỗi chân 5.000.000đ/tháng; 01 chân hội tháng 10.000.000đ/tháng. Tổng cộng mỗi tháng bà phải đóng 20.000.000 đồng. Do bà Đ không ghi sổ theo dõi nên không nhớ thời gian khui các dây hội. Bà Đ xác định đã hốt hết các dây hội và đang nợ bà T tổng số tiền hội chết là 210.000.000 đồng. Nay bà xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm như sau:*

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

3. Về việc áp dụng pháp luật: Do dây hội được xác lập, thực hiện vào năm 2018 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ để giải quyết.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

Vào năm 2018 bà Nguyễn Ngọc Đ có tham gia hai dây hội tháng do bà Nguyễn Thị T làm chủ, gồm tất cả 03 chân hội, trong đó có 02 chân hội loại 5.000.000đ/tháng và 01 chân hội loại 10.000.000đ/tháng. Trong thời gian tham gia hội, bà Đ đã hót hết toàn bộ 03 chân hội. Sau khi hót hết hội, bà Đ có tiếp tục đóng hội chết được một số tháng, nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên bà Đ không có khả năng đóng hội chết tiếp cho bà T.

Xét thấy: Bà T là một chủ hội nhưng việc mở dây hội của bà không được lập thành văn bản rõ ràng, việc đóng hội và hót hội của bà Đ cũng không được theo dõi chi tiết trong sổ sách. Tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay, bà Đ thừa nhận bà còn nợ bà T tổng số tiền hội là 210.000.000 đồng. Như vậy việc bà Đ hót hội nhưng không thực hiện đóng hội chết đến khi mãn dây hội là đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, họ, họ, họ, họ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền hội còn phải đóng là 210.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Đ xác định rằng số tiền bà hót hội, bà đã sử dụng một phần để trả nợ, đóng hội chết, trang trải sinh hoạt trong gia đình và cho ngư phủ ứng trước khi đi biển. Việc bà tham gia chơi hội ông H có biết và ông H có ký tên vào biên nhận nợ với bà T. Như vậy, HĐXX xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 buộc ông H và bà Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T.

Đối với yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà Đ. HĐXX xét thấy yêu cầu xin trả dần của bà Đ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông H, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 210.000.000 đồng.

5. Về án phí:

- Ông H, bà Đ phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật là $210.000.000đ \times 5\% = 10.500.000$ đồng. Do ông H, bà Đ có đơn xin miễn giảm án phí do gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế nên được xét giảm 50% án phí. Số tiền án phí ông H, bà Đ còn phải nộp là 5.250.000 đồng.

- Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

- Áp dụng Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê Văn H, bà Nguyễn Ngọc Đ.

Buộc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Ngọc Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Ông Lê Văn H, bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 5.250.000 đồng (năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009194 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đường sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc